

ÔN TẬP ĐỌC HIỂU

I/ LÝ THUYẾT

1. PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT DỰA VÀO ĐẶC TRƯNG VÀ CÁCH NHẬN DIỆN

<i>Phương thức biểu đạt</i>	<i>Cách nhận diện</i>
Biểu cảm	-Ngôn ngữ gọi cảm ; Lối từ láy -Nhân vật , cốt truyện... -Sử dụng tối đa các phép tu từ.
Miêu tả	-Văn tả cảnh, tả người, vật...Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự.
Nghị luận	- Xã luận, bình luận, lời kêu gọi. - Lí luận văn học. - Tranh luận về một vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa.
Thuyết minh	- Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật...Có các thuật ngữ chuyên ngành khoa học , số liệu , kí hiệu ... - Không sử dụng phép tu từ . - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học.
Tự sự	- Ngôn ngữ: Khẩu ngữ, bình dị, suồng sã, địa phương. - Đoạn hội thoại, có lời đối đáp của các nhân vật, hoặc trích đoạn một bức thư, nhật kí
Hành chính-công vụ	- Thường xuất hiện lối từ ngữ trong lĩnh vực hành chính - Không sử dụng biện pháp tu từ

2. BIỆN PHÁP TU TỪ

Gần như trong các câu hỏi xuất hiện thường xuyên nhất chính là câu hỏi về biện pháp tu từ .Có ba dạng tu từ chủ yếu : **Phép tu từ ngữ âm, phép tu từ từ vựng và phép tu từ cú pháp** (câu)

CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ VỀ NGỮ ÂM : là cách phối hợp sử dụng khéo léo các âm , thanh, vần, điệu đem đến những màu sắc biểu cảm nhất định cho văn bản.

- Các BPTT ngữ âm thường gặp : **Điệp âm, hài âm, tượng thanh, hài thanh, tạo nhịp điệu, tạo âm hưởng.**

PHÉP TU TỪ VỀ TỪ

- Tu từ về từ: So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, nói quá (thậm xưng) , điệp từ, liệt kê.

- Được thể hiện qua từ ngữ ,các hình ảnh sự vật.

- Tác dụng chính :

+ *Tăng sức gợi tả , gợi cảm của các từ ngữ.*

+ *Tạo cho sự vật , hiện tượng sinh động .*

+ *Mang đến nhiều cảm xúc , hứng thú cho người đọc.*

PHÉP TU TỪ VỀ CÂU

- Tu từ về câu : Điệp ngữ, liệt kê, đối , đảo ngữ , điệp cấu trúc, chêm xen, câu hỏi tu từ.

- Tác dụng :

+ *tạo tính nhạc , âm điệu cho ý thơ , đoạn văn.*

+ *nhằm nhấn mạnh ý diễn đạt*

+ *khẳng định tư tưởng , tình cảm , thái độ của người viết .*

3. CÁC PHÉP LIÊN KẾT CÂU

	Phép liên kết	Đặc điểm nhận diện
1	<i>Phép lặp</i>	Phép lặp là cách dùng đi dùng lại một yếu tố ngôn ngữ, ở những bộ phận khác nhau của văn bản nhằm liên kết chúng lại với nhau. Có 3 dạng lặp : lặp từ , lặp âm, lặp cú pháp . VD : Phép lặp từ ngữ <i>Buổi sáng, Bé dậy sớm ngồi học bài. Dậy sớm học bài là một thói quen tốt. Nhưng phải cố gắng lắm mới có được thói quen ấy. Rét ghê. Thế mà Bé vùng dậy, chui ra được khỏi cái chăn ấm. Bé ngồi học bài.</i> VD : Phép lặp cú pháp Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!
2	<i>Phép thế</i>	-Phép thế là cách thay những từ ngữ nhất định bằng những từ ngữ có ý nghĩa tương đương (cùng chỉ sự vật ban đầu, còn gọi là có tính chất đồng chiếu) nhằm tạo tính liên kết giữa các phần văn bản chứa chúng. Có 2 loại phương tiện dùng trong phép thế là thay thế bằng từ ngữ đồng nghĩa và thế bằng đại từ. VD : Thế đại từ Rõ ràng <u>Trông Choai</u> của chúng ta đã hết tuổi bé bỏng thơ ngây. <u>Chú</u> chẳng còn phải quần quýt quanh chân mẹ nữa rồi. (Hải Hồ) VD : Thế đồng nghĩa <i>Nghe chuyện <u>Phù Đổng Thiên Vương</u>, tôi tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. <u>Tráng sĩ</u> ấy gặp lúc quốc gia lâm</i>

		nguy đã xông pha ra trận đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế <u>người trai làng Phù Đổng</u> vẫn còn ăn một bữa cơm... (Nguyễn Đình Thi)
3	Phép liên tưởng	Phép liên tưởng là cách sử dụng những từ ngữ chỉ những sự vật có thể nghĩ đến theo một định hướng nào đó, xuất phát từ những từ ngữ ban đầu, nhằm tạo ra mối liên kết giữa các phần chứa chúng trong văn bản. VD : liên tưởng cùng đồng loại <i>Cóc chết bỏ nhái mồ côi, Chấu ngồi chấu khóc: Chàng ôi là chàng! Ếnh vương đánh lệnh đã vang! Tiền đâu mà trả nợ làng ngóe ôi!</i>
4	Phép nghịch đối	-Phép nghịch đối sử dụng những từ ngữ trái nghĩa vào những bộ phận khác nhau có liên quan trong văn bản, có tác dụng liên kết các bộ phận ấy lại với nhau. VD : <i>Gia đình mất hẳn vui. Bà khổ, Liên khổ, mà ngay chính cả y cũng khổ.</i> (Nam Cao)
5	Phép nối	Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị <i>quan hệ</i> (nối kết) với câu trước -Phép nối có thể dùng các phương tiện sau đây: + nối bằng kết từ : như và, với, thì, mà, còn, nhưng, vì, nếu, tuy, cho nên... + nối bằng kết ngữ : vì vậy, do đó, bởi thế, tuy vậy, nếu vậy, vậy mà, thế thì, với lại, vả lại... hoặc trên đây, tiếp theo, nhìn chung, tóm lại, một là, ngược lại... + nối bằng trợ từ, phụ từ, tính từ : cũng, cả, lại, khác... + nối bằng quan hệ về chức năng cú pháp

II/ BÀI TẬP VẬN DỤNG

BÀI 1

Đọc bài thơ sau và trả lời những câu hỏi ở dưới:

Lặng rồi cả tiếng con ve

Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.

Nhà em vẫn tiếng ạ ời

Kêu cà tiếng văng mẹ ngồi mẹ ru.

Lời ru có gió mùa thu

Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.

Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Mẹ, Trần Quốc Minh, Theo *Thơ chọn với lời bình*,

NXB Giáo dục, 2002, tr. 28 - 29)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong bài thơ .

Câu 2. Trong bài thơ, những âm thanh nào được tác giả nhắc đến?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

BÀI 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

...Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!...

(Trích *Cây tre Việt Nam* – Thép Mới, Ngữ văn 6, Tập hai, NXBGD – 2006)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì ?

Câu 2: Nêu nội dung đoạn trích trên.

Câu 3: Đoạn văn trên tác giả sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.

BÀI 3

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi :

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khỏe và chắc mẩy. Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: “Đại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lẩn vào đó. Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới. Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn. Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Hạt giống tâm hồn, *Hai hạt lúa*)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Nêu ý nghĩa của văn bản.

Câu 3. Câu văn “Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới” sử dụng biện pháp tu từ gì?

Câu 4. Nếu được lựa chọn, anh/ chị sẽ chọn cách sống như hạt lúa thứ nhất hay hạt lúa thứ hai? Vì sao?

BÀI 4

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Một mai, một cuộc, một cần câu,
Thơ thần dầu ai vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu đến bóng cây ta hãy uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

(Nhàn – Nguyễn Bình Khiêm)\

Câu 1 : Xác định hai PTBD được sử dụng trong bài thơ

Câu 2 : Nêu những chi tiết miêu tả cuộc sống của tác giả?

Câu 3 : Xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng trong hai câu thơ:

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao*

Câu 4 : Qua bài thơ, anh/chị hiểu thế nào về cách sống của tác giả?

BÀI 5

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*“Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay.
Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không.
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra ?”*

(Ca dao)

Câu 1. Văn bản trên sử dụng các phương thức biểu đạt nào?

Câu 2. Nêu nội dung chính của văn bản.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong 2 câu: “*Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.*”?